

## PHÂN LOẠI HỌ TRÁM (BURSERACEAE Kunth) Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THẾ CƯỜNG, ĐỖ VĂN HÀI, DƯƠNG THỊ HOÀN

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

NGUYỄN THỊ HUYỀN, NGUYỄN TRUNG THÀNH

*Trường Đại học Khoa học tự nhiên,  
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Trên thế giới, họ Trám (Burseraceae Kunth) có khoảng 550 loài với 18 chi, chúng phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới, nhưng đa dạng là các vùng Ấn Độ, Malesia, Nam Mỹ và Papua New Ghine [2]. Ở Việt Nam, theo kết quả nghiên cứu này ghi nhận, họ Trám có 15 loài thuộc 5 chi. Trong số đó có 3 loài đặc hữu, 03 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 3 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN. Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu phân loại họ Trám (Burseraceae Kunth) ở Việt Nam dựa trên hệ thống phân loại của Dady D. C. (2011).

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Kế thừa các kết quả nghiên cứu liên quan đến hệ thống học, phân loại học thực vật trước đây về họ Trám (Burseraceae Kunth) trên thế giới và ở Việt Nam.

Phương pháp hình thái so sánh được sử dụng để phân loại các taxon trong họ Trám ở Việt Nam.

Khoá định loại được xây dựng theo kiểu khoá lưỡng phân.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### BURSERACEAE Kunth – HỌ TRÁM

Kunth, 1824. Ann. Sci. Nat. (Paris) 2: 346

Cây gỗ, hiếm khi là cây bụi. Nhựa cây có mùi thơm. Lá kép lông chim, mọc cách; lá kèm có thể có hoặc không. Cụm hoa hình chùy, chùm hoặc dạng bông. Hoa đơn tính hoặc lưỡng tính. Bao hoa mẫu 3-5. Đài thường hợp ở gốc, xếp van. Cánh hoa đối diện với đài. Nhị gấp 2 lần cánh hoa, thường xếp 2 vòng, chỉ nhị rời hoặc đôi khi dính với triền. Triền hình nhẫn, nằm giữa nhị và bầu, thường dày và nạc. Bộ nhụy có lá noãn hợp, 1-3 ô, bầu trên. Vòi nhụy thường hướng lên trên, thẳng, núm nhụy hình cầu, có thể xẻ thùy nông bằng với số lượng bằng số lá noãn. Quả hạch, hạch 1-5. Hạt không có phôi nhũ, lá mầm nguyên, xếp lớp hoặc xẻ thùy.

*Typus: Bursera Jacq. ex L.*

#### Khóa định loại các chi thuộc họ Trám (Burseraceae Kunth) ở Việt Nam

- 1A. Bao hoa mẫu 3.  
 2A. Vỏ quả trong dày và cứng. Hạt không có lá mầm xẻ thùy chân vịt. .... 2. *Canarium*  
 2B. Vỏ quả trong mỏng và sụn. Hạt có lá mầm xẻ thùy chân vịt. .... 3. *Dacryodes*  
 1B. Bao hoa mẫu 5.  
 3A. Lá chét thường có lá kèm nhỏ. Quả hạch thường có 2 thùy; vỏ quả ngoài dày giống kiểu quả mọng ..... 4. *Garuga*  
 3B. Lá chét không có lá kèm nhỏ. Quả hạch không có thùy; vỏ quả mỏng, khi khô giống kiểu quả nang.  
 4A. Quả hạch hình hạt đậu, dẹt, phình to ở đế quả. .... 1. *Bursera*  
 4B. Quả hạch hình cầu, không phình to ở đế quả. .... 5. *Protium*

**1. Bursera Jacq. ex L. 1762, nom. cons. – Chi Rấm**

L. 1762. Sp. Pl., ed. 1: 471

Cây gỗ nhỏ hoặc trung bình, đôi khi gặp cây bụi. Lá kép lông chim, mọc cách, không có lá kèm. Cụm hoa hình chùy mọc ở nách lá. Hoa mẫu 5. Nhị 10, 5 nhị dài đối diện với lá đài, 5 nhị ngắn đối diện với cánh hoa. Bầu 3 ô, vòi nhụy ngắn. Quả hạch hình hạt đậu, vỏ quả ngoài nạc, phần gốc và đế quả thường phình to.

*Typus: Bursera gummifera* L.

Trên thế giới, chi *Bursera* Jacq. ex L. có khoảng 100 loài, phân bố chủ yếu ở Trung và Nam Mỹ. Ở Việt Nam, chi *Bursera* Jacq. ex L. có duy nhất 1 loài.

**1.1. Bursera tonkinensis** Guillaum. 1907. - **Rấm Bắc bộ, Búc sơ Bắc bộ.**

Guillaum, 1907. Rev. Gén. Bot. 19: 16

- *Protium tonkinense* (Guillaum.) Engl. 1931

*Phân bố:* Mới thấy ở Hòa Bình (Yên Thủy, Lương Sơn, Phố Sầu), Hà Nội (Chùa Hương), Hà Nam (Kê Sở), Ninh Bình (Cúc Phương).

*Sinh học và sinh thái:* Có hoa, quả tháng 3-6. Mọc rải rác trong rừng thường xanh, núi đá vôi.

*Tình trạng:* Loài đặc hữu của Miền Bắc Việt Nam. Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), loài xếp ở mức Sẽ nguy cấp (VU A1a,c,d+2d, B1+2a). Theo Danh lục IUCN, loài xếp ở mức Sẽ nguy cấp (VU B1+2c).

**2. Canarium L. 1759. – Chi Trám**

L. 1759. Amoen. Acad. 4: 121.

- *Pimela* Lour. 1790. Fl. Cochinch. 407

Cây gỗ, có nhựa thơm. Lá kép lông chim lẻ, lá chét mọc đối, Cụm hoa hình chùy ở nách lá hay ở đầu cành. Hoa đơn tính; đài, đài hình chén, mép có 3 thùy; cánh hoa 3, xếp van; nhị 6, xếp 2 vòng, chỉ nhị dính ở gốc; triền hình nhẫn, bầu có vòi nhụy hình trụ. Quả hạch, vỏ hạch dày, cứng, 3 ô.

*Typus: Canarium indicum* L.

Trên thế giới, chi *Canarium* hiện ghi nhận có khoảng 120 loài, phân bố ở vùng nhiệt đới thế giới, chủ yếu là vùng Malesia và Madagasca. Ở Việt Nam, chi *Canarium* hiện ghi nhận có 7 loài.

**Khóa định loại các loài thuộc chi Trám (*Canarium* L.) ở Việt Nam**

- 1A. Mặt cắt ngang quả hạch có 3 cạnh hoặc 3 cánh. .... **2. C. bengalense**
- 1A. Mặt cắt ngang quả hạch không có cạnh hoặc cánh
  - 2A. Cây không có lá kèm
    - 3A. Cây gỗ nhỏ. Phiến lá chét cỡ 3-6 x 2-4 cm. Nụ hoa dài 3-6 mm. Quả chín màu vàng nhạt hoặc màu lục; mặt cắt ngang hạch có hình tam giác đều ..... **5. C. parvum**
    - 3B. Cây gỗ lớn. Phiến lá chét cỡ 6-17 x 3-7,5 cm. Nụ hoa dài 3-6 mm. Quả chín màu vàng nhạt hoặc màu lục; mặt cắt ngang hạch có hình tam giác đều ..... **7. C. pimela**
  - 2B. Cây có lá kèm
    - 4A. Lá kèm hình trứng rộng hoặc hình thận ..... **3. C. littorale**
    - 4B. Lá kèm hình kim
      - 5A. Mép lá có răng cưa ..... **6. C. subulatum**
      - 5B. Mép lá nguyên

- 6A. Cành non, cuống và mặt dưới lá, cụm hoa có lông màu hung đỏ ..... **4. C. lyi**  
 6B. Cành non, cuống và mặt dưới lá, cụm hoa nhẵn hoặc có lông trắng, thưa.....**1. C album**

**2.1. *Canarium album* (Lour.) DC. 1825 – Trám trắng**

DC. 1825. Prodr. Syst. Nat. Reg. Veget. 2: 80.

*Pimela alba* Lour. 1790; *C. tonkinense* Guill.

*Phân bố:* Sơn La (Mộc Châu, Xuân Nha), Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ (Phú Hộ, Chân Mông), Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc (Tam Đảo, Mê Linh), Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên-Huế, Gia Lai, Kon Tum, Tây Ninh, Đồng Nai (Biên Hòa), Bà Rịa- Vũng Tàu (Bà Rịa). Còn có ở Trung Quốc, Lào, Campuchia.

*Sinh học và sinh thái:* Mọc rải rác trong rừng thứ sinh, ở độ cao đến 900 m. Được trồng phổ biến ở Miền Bắc. Ra hoa tháng 1-2, có quả tháng 4-7.

**2.2. *Canarium bengalense* Roxb. 1832 – Trám ba cạnh**

Roxb. 1832. Fl. Ind. 136. 1832.

*Phân bố:* Yên Bái (Lục Yên), Cao Bằng (Hạ Lang, Thái Đức), Lạng Sơn (Hữu Lũng), Ninh Bình (Cúc Phương), Thanh Hóa. Còn có ở Ấn Độ, Mianma, Lào.

*Sinh học và sinh thái:* Mọc rải rác trong rừng thường xanh, ven chân núi đá vôi, ở độ cao khoảng 300-500 m. Ra hoa tháng 5-6, có quả tháng 7-12.

**2.3. *Canarium littorale* Blume, 1826 – Trám nâu**

Blume, 1826. Bijdr. Fl. Nederl. Ind. 1164.

- *C. purpura-scens* A. W. Benn.

*Phân bố:* Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa (Ninh Hòa, Nha Trang). Còn có ở Lào, Mianma, Malaixia, Indonesia.

*Sinh học và sinh thái:* Mọc rải rác trong rừng thường xanh hoặc rừng chuyển tiếp từ rừng rậm hay rừng thưa. Ra hoa tháng 3-4, có quả tháng 4-6.

*Tình trạng:* Theo Danh lục IUCN, loài xếp ở mức Ít lo ngại (LR/lc).

**2.4. *Canarium lyi* Tran & Yakovl. 1985 – Trám lý.**

Tran & Yakovl. 1985. Bot. Zhurn. (Moscow & Leningrad) 70(6): 783. 1985.

*Phân bố:* Loài đặc hữu của Việt Nam, mới thấy ở Đắk Lắk.

*Sinh học và sinh thái:* Mọc rải rác trong rừng. Ra hoa tháng 11-12.

**2.5. *Canarium parvum* Leenh. 1959 – Trám chim**

Leenh. 1959. Blumea 9(2): 408.

- *C. oleosum* act. non Engler: Gullaumin, 1911. Fl. Gen. Indo. 1: 710.

*Phân bố:* Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ (Phú Hộ, Chân Mông), Vĩnh Phúc (Tam Đảo), Hà Nội (Ba Vì, Thủ Pháp), Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum. Còn có ở Trung Quốc, Lào.

*Sinh học và sinh thái:* Gỗ nhỏ, cao 4-5 m. Mọc rải rác trong rừng của vùng trung du, ở độ cao 100-700 m. Ra hoa tháng 3-7, có quả tháng 5-9.

**2.6. *Canarium subulatum* Guillaum. 1908 – Trám lá đỏ**

Guillaum. 1908. Bull. Soc. Bot. France 55: 613.

- *C. cinereum* Guillaum. 1908; *C. rotundifolium* Guillaum. 1908; *C. thorelianum* Guillaum. 1908; *C. vittatistipulatum* Guillaum. 1908; *C. kerrii* Craib, 1911; *C. venosum* Craib, 1926.

*Phân bố:* Quảng Nam, Kon Tum (Sa Thầy, Kon Plông), Gia Lai (Chư Pah, Pleiku, Đăk Đoa, Ayunpa, Mang Yang), Đăk Lăk (VQG. York Đôn, Ma Đrăk), Khánh Hòa (Nha Trang, Cỏ Inh), Tây Ninh, Bình Phước (Bù Gia Mập), Đồng Nai (Biên Hòa, Giá Ray, Chứa Chan, Trảng Bom, Phước Thành), An Giang (Châu Đốc, Núi Cấm), Kiên Giang (Hà Tiên), Còn có ở Lào, Campuchia, Thái Lan.

*Sinh học và sinh thái:* Mọc rải rác trong rừng thường xanh. Ra hoa tháng 4-6, có quả tháng 9-10.

**2.7. *Canarium pimela* K. D. Koenig, 1804 – Trám đen**

K. D. Koenig, 1804. Ann. Bot. 1: 361.

- *C. tramdenum* Tran & Yakovl. 1985; *C. nigrum* (Lour.) Engl. 1900; *Pimela nigra* Lour. 1790; *Canarium pimela* Leenh. 1959.

*Phân bố:* Được trồng và phân bố hoang dại tại Sơn La (Mộc Châu), Hoà Bình (Phương Mai), Quảng Ninh (Tiên Yên), Hải Phòng, Tuyên Quang, Phú Thọ (Chân Mộng), Bắc Kạn, Hà Nội, Ninh Bình, Nghệ An (Cò Ba), Quảng Trị (Làng Khoai, Núi Răng Cọp), Thừa Thiên - Huế, Đăk Lăk (Ma Đrăk), Khánh Hòa (Nha Trang, Cỏ Inh). Còn có ở Trung Quốc (Hồng Kông, Hải Nam), Lào, Campuchia, Thái Lan.

*Sinh học, sinh thái:* Mọc rải rác trong rừng nửa rụng lá, rừng thứ sinh, hoặc được trồng ở độ cao đến 700 m. Ra hoa tháng 5-6, có quả tháng 8-10.

*Tình trạng:* Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), loài này xếp ở mức Sẽ nguy cấp (VU A1a,c,d+2d).

**3. *Dacryodes* Vahl, 1810. – Chi Xuyên mộc**

Vahl. 1810. Skr. Naturhist.-Selsk. 6: 115.

Cây gỗ, có nhựa thơm. Lá kép lông chim. Cụm hoa chùm hoặc chùy ở nách lá. Hoa đơn tính, bao hoa mẫu 3; nhị 6, xếp thành 2 vòng; bầu 2-3 ô, núm nhụy 2-3 thùy. Quả hạch, vỏ quả trong mỏng, sụn; mỗi hạch có 1(2) hạt. Hạt có lá mầm chia thùy hình chân vịt.

*Typus:* *Dacryodes excelsa* Vahl.

Trên thế giới, chi *Dacryodes* hiện ghi nhận có khoảng 70 loài, phân bố ở vùng nhiệt đới ẩm. Ở Việt Nam, chi *Dacryodes* hiện ghi nhận có 2 loài.

**Khóa định loại các loài thuộc chi Xuyên mộc (*Dacryodes* Vahl.) ở Việt Nam**

- 1A. Cành non, cuống và gân lá, cụm hoa có lông mịn màu gỉ sắt ..... **1. *D. dungii***  
 1B. Cành non, cuống và gân lá, cụm hoa không có lông ..... **2. *D. rostrata***

**3.1. *Dacryodes dungii* Tran & Yakovl. 1985 – Xuyên mộc dụng**

Tran & Yakovl. 1985. Novosti Sist. Vyss. Rast. (New Delhi) 22: 146.

*Phân bố:* Mới thấy ở Kon Tum, Gia Lai, Phú Yên, Khánh Hòa.

*Sinh học và sinh thái:* Gỗ lớn cao đến 20-30 m, đường kính 60-80 (100) m. Mọc rải rác trong rừng ẩm thường xanh, ở độ cao 300-900 m.

**3.2. *Dacryodes rostrata* (Blume) H. J. Lam, 1932 – Xuyên mộc**

H. J. Lam, 1932. Ann. Jard. Bot. Buitenzorg, 42: 203.  
- *Santiria rostrata* Blume, 1850.

*Phân bố*: Quảng Bình (Tuyên Hóa), Quảng Trị (Đa Krông), Đồng Nai (Biên Hoà, Trảng Bom). Còn có ở Ấn Độ, Malaixia, Indônêxia (Borneo), Philippin.

**4. *Garuga* Roxb. 1811. – Chi Trám mao**

Roxb. 1811. Pl. Corom. 3: 5: 208.

Cây gỗ thường có nhựa màu trắng. Lá kép lông chim, có lá kèm. Cụm hoa chùm. Đài hợp ở gốc, hình có 5 thùy nhọn; cánh hoa 5, đối diện thùy đài, nhị 10, xếp thành 2 vòng; bầu 5 ô, vòi nhụy hình trụ, núm nhụy loe rộng, có 5 thùy. Quả hạch. Hạch 1-4.

*Typus*: *Garuga pinnata* Roxb.

Trên thế giới, chi *Garuga* hiện ghi nhận có 4 loài, phân bố ở vùng Đông Nam Á, Úc, Niu ghinê đến tây Thái Bình Dương. Ở Việt Nam, chi *Garuga* hiện ghi nhận có 2 loài.

**Khóa định loại các loài thuộc chi Trám mao (*Garuga* Roxb.) ở Việt Nam**

- 1A. Cành non, cuống lá, cụm hoa không có lông hoặc lông rất thưa. Lá chét bên có cuống dài cỡ 1 cm, gốc lá rất lệch, gân bên 4-5 đôi ..... **1. *G. pierrei***  
1B. Cành non, cuống lá, cụm hoa có lông tơ dày. Lá chét bên có cuống ngắn hoặc không cuống, gốc lá đối xứng, gân bên 6-15 đôi..... **2. *G. pinnata***

**4.1. *Garuga pierrei* Guillaumin. 1907 – Cốc đá**

Guillaumin, 1907. Rev. Gén. Bot. 19: 164.

*Phân bố*: Kon Tum, Ninh Thuận (Phan Rang, Cà Ná, Bà Râu). Còn có ở Campuchia.

*Sinh học và sinh thái*: Mộc rải rác trong rừng, ở độ đến 900 m. Có hoa tháng 3-4. Quả chín tháng 6-7.

**4.2. *Garuga pinnata* Roxb. 1820 – Trám mao**

Roxb. 1820. Pl. Coromandel 3: 5. 1811.

*Phân bố*: Sơn La (Mộc Châu), Hòa Bình (Chợ Bờ), Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hà Nội (Ba Vì, Thủ Pháp), Ninh Bình (Cúc Phương), Nghệ An, Khánh Hòa (Nha Trang, Ba Ngòi), Ninh Thuận (Phan Rang, Cà Ná, Ka Rom), Bình Dương (Hón Quán), Đồng Nai (Biên Hòa). Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Philippin.

*Sinh học và sinh thái*: Mộc rải rác trong rừng thường xanh. Ra hoa tháng 4-5, có quả tháng 7-8.

**5. *Protium* Burm. f. 1768, nom. cons. – Cọ phèn**

Burm. f. 1768. Fl. Indica: 88.

Cây gỗ có nhựa thơm trong. Lá kép lông chim lẻ, mọc cách, không có lá kèm. Lá chét mọc đối. Cụm hoa hình chùy. Hoa nhỏ, bao hoa mẫu 5, cánh hoa rời, triền hình nhẫn, nhị hoa 10, xếp thành 2 vòng, bầu 5 ô, mỗi ô 2 noãn, vòi nhụy ngắn, núm nhụy xẻ 5 thùy. Quả hạch. Vỏ hạt thường gấp nếp.

*Typus*: *Protium javanicum* Burm. f.

Trên thế giới chi *Protium* có khoảng 180 loài, phân bố chủ yếu ở nhiệt đới châu Mỹ, Madagasca, và châu Á. Ở Việt Nam, chi *Protium* hiện được ghi nhận có 1 loài.

**5.1. *Protium serratum* (Wall. ex Colebr.) Engl. 1882 – Cọ phèn**

Engl. 1882. Monogr. Phan. 4: 88. 1883.

- *Bursera serrata* Wall. ex Colebr. 1827; *Santiria yunnanensis* Hu; *Protium yunnanense* (Hu) Kalkm.; *Dracontomelum laoticum* Evrard & Tardieu, 1961.

*Phân bố:* Lai Châu, Sơn La (Sông Mã, Mộc Châu), Hà Tây, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị (Hương Hóa, Vong Kho), Kon Tum (Đắk Glei), Đắk Môn, Đắk Choong; Kon Plong), Gia Lai (Kon Hà Nừng), Ninh Thuận (Ninh Hải, Cà Ná), Đồng Nai (Biên Hòa, Phước Than), An Giang (Châu Đốc). Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc (Yunnan), Lào, Campuchia, Thái Lan.

*Sinh học và sinh thái:* Ra hoa tháng 3-4, mùa quả tháng 9-12. Thường gặp trong rừng thứ sinh, rừng khô hoặc cây bụi. Cây ưa sáng, mọc dọc theo sông suối.

*Tình trạng:* Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), loài này xếp ở mức Sẽ nguy cấp (VU A1a,d+2d, B1+2a).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**

1. **Nguyễn Tiến Bản**, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2: 954-957.
2. **Daly, D. C & all.**, 2011. In: Kubitzki (ed.), The Families and Genera of Vascular Plants, Springer, 10: 76-104.
3. **Guillaumin, A.**, 1911. In: M. H. Lecomte (ed.), Flore générale de l' Indo-Chine, Paris, 1: 707-722.
4. **Guillaumin, A.**, 1950. In : Humbert H. (ed.), Supplément à la Flore Générale de l'Indo-Chine, Museum National D'Historie Naturelle , Paris, 1: 675-682.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000. Cây cỏ Việt Nam (An Illustrated Flora of Vietnam), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2: 359-363.
6. **Leenhouts, P. W., C. Kalkman, H. J. Lam**, 1956. Flora Maleisiana, Noordhoff-Kolff N. V., Djakarta, ser. I, 5(2): 209-296
7. **Li Hen**, 1997. “Burseraceae”, In: Chen Shukun (ed.), Flora Reipublicae Popularis sinicae Science Press, Beijing, 43(3): 17-33.
8. **Peng Hua, Mats Thulin**, 1999. Flora of China, Science Press, Beijing/Missouri Botanical Garden Press. St. Louis, 11: 106-110

**TAXONOMY OF BURSERACEAE Kunth IN VIETNAM**

**NGUYEN THE CUONG, DO VAN HAI, DUONG THI HOAN  
NGUYEN THI HUYEN, NGUYEN TRUNG THANH**

**SUMMARY**

In the flora of Vietnam, Torchwood family (Burseraceae Kunth) comprises 5 genera and 15 species; of which 3 species are endemic to Vietnam; 3 species listed in the *Red Data Book of Vietnam*, and 3 species listed in the IUCN Red List.

Based on the morphological characteristics of reproductive organs, we made the dichotomous key of 5 genera and 15 species of Burseraceae in Vietnam. We also have updated the nomenclature of 5 genera, 15 species belonging to Burseraceae in Vietnam.